

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 535/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Ngô Thị T, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: ông Mai Văn M, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Ông Mai Văn M tự nguyện trả cho bà Ngô Thị T số tiền hụi còn thiếu của dây hụi 1000.000 đồng, xác lập ngày 15/12/2019 âm lịch là 8.300.000 đồng (*Tám triệu, ba trăm ngàn đồng*). Bà T thống nhất nhận số tiền này.

Đối với số tiền chênh lệch 8.700.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng*) so với đơn khởi kiện bà T tự nguyện xin rút lại, không yêu cầu giải quyết. Do đó Tòa án chấp nhận không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

Về thời gian trả: Bà T và ông M tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của

người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị T tự nguyện chịu 103.000 đồng (Một trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền án phí nhưng được miễn trừ vào 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013127 ngày 21/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T 322.000 đồng (Ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền chênh lệch. Ông Mai Văn M tự nguyện chịu 104.500 đồng (Một trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Nguyễn Thị Trang
Đã ký